

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2021

V/v “Ly hôn giữa chị Th với anh V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giáp Hồng Thanh;

Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 22/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh V có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh V ngay, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì chuyển về sinh sống cùng gia đình chị tại thị trấn A, huyện S. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 (chị không nhớ ngày, tháng) thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình khuyên bảo nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05/11/2017. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu học tập, phát triển tốt. Nay chị nhận nuôi con và không

yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị làm spa thu nhập hàng tháng khoản 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 19/11/2021 và những lời khai tiếp theo anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị Th về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Th có quan hệ bất chính, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Th không nghe nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh nhất trí ly hôn với chị Th.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05/11/2017, hiện cháu đang được ông bà ngoại nuôi dưỡng. Ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề bán hàng lưu động, thu nhập khoảng 7 - 8 triệu đồng/ tháng, nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V có mặt và trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Th và để chị Th nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, xử:

Cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Con chung: Giao cho chị Th nuôi con Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05/11/2017. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng: Chị Đỗ Thị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Văn V ngày 22/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Anh V cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh cũng nhất trí ly hôn với chị Th. Như vậy, vợ chồng giữa chị Th với anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị Th được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Chị Th, anh V có 01 con chung là Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05/11/2017. Hiện nay, con chung đang được chị Th cùng ông bà ngoại nuôi dưỡng tại thị trấn A, huyện S. Nay chị Th và anh V đều nhận nuôi con, anh chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th trình bày có thu nhập trung bình từ 10 đến 15 triệu đồng/ tháng, anh V trình bày có thu nhập hàng tháng từ 7 đến 8 triệu đồng và qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện anh V không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Mặt khác, con chung của anh chị đang được chị Th cùng ông bà ngoại nuôi dưỡng tại thị trấn A, huyện S, qua xác nhận của gia đình chị Th và Trường mầm non nơi cháu Thảo Anh học tập thì thấy, cháu Thảo Anh khỏe mạnh, phát triển bình thường. Đồng thời, gia đình chị Th cam kết cùng chị Th nuôi dạy cháu Thảo Anh tốt về mọi mặt, tại phiên tòa anh V nhất trí để chị Th nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Th, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Th nuôi con Nguyễn Thảo A, sinh ngày 05/11/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0011344 ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy